

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 3 – 2026

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca.

Ông Nguyễn Văn Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 133/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị S, sinh năm 1973.

Căn cước số: 03017300XXX; cấp ngày 13/7/2024. Nơi cấp: Bộ Công an.

Địa chỉ: Tổ dân phố số F P, phường C, thành phố Hải Phòng.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963.

Căn cước công dân số: 03006300XXX; cấp ngày 25/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ dân phố số F P, phường C, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/7/1996. Đám cưới của ông bà được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi

kết hôn, hai vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ chồng, cuộc sống hôn nhân ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên 02 năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông H không tìm được tiếng nói chung, không hòa hợp với nhau về tính cách, lối sống nên thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà và ông H đã ly thân với nhau được 02 năm nay, mặc dù sống chung nhà nhưng mỗi người ở một tầng, bà ở tầng dưới còn ông H ở trên tầng 2, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, đời sống chung thực tế không còn tồn tại. Gia đình hai bên đã động viên hoà giải cho hai vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng và không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 16/12/1996, Nguyễn Minh T sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Minh T1 sinh ngày 18/10/2005. Hiện tại các con đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án nên bà đề nghị vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông và bà Phạm Thị S được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là phường C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/7/1996; đám cưới được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu nhà tập thể của ông. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng gần một năm trở lại đây, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông bà không còn ngủ chung phòng, đến giữa năm thì ông bà ăn riêng. Nguyên nhân một phần do hai người làm việc theo ca khác nhau, một phần do bà S tự xa lánh với gia đình vì hai bên lâu ngày không tìm được tiếng nói chung, không nói chuyện với nhau trong một thời gian dài. Nay bà S xin ly hôn, quan điểm của ông là mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Ông bà đã nhiều tuổi, sắp lên ông lên bà nên ông không muốn phải ly hôn, nếu bà S vẫn kiên quyết ly hôn thì tùy ở bà.

Về con chung: Ông và bà S có 03 con chung là Nguyễn Trà M sinh ngày 16/12/1996, Nguyễn Minh T sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Minh T1 sinh ngày 18/10/2005. Hiện tại các con đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án nên ông đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

** Anh Nguyễn Minh T, Nguyễn Minh T1 (là con ruột của ông H và bà S) trình bày:*

Anh là con ruột của bố Nguyễn Văn H và mẹ Phạm Thị S. Anh được biết bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Trong thời gian vừa qua bản thân bố mẹ anh đã ly thân khá lâu, khoảng gần 02 năm. Bố sinh hoạt ở tầng trên, mẹ sinh hoạt ở tầng dưới, không sinh hoạt chung, không chung đụng về mặt tài chính. Các khoản chi phí học tập và ăn ở hiện tại chủ yếu là mẹ cung cấp (khoảng 60-70%). Nay mẹ anh xin ly hôn với bố, đề nghị Tòa án căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết.

** Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà S, ông H đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện:*

Ông H và bà S đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Ông H và bà S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là phường C, thành phố Hải Phòng) vào năm 1996. Sau khi kết hôn, hai ông bà về chung sống tại nhà bố mẹ chồng. Về mâu thuẫn hôn nhân giữa ông H và bà S thì địa phương không nắm rõ cụ thể như thế nào, chỉ biết ông bà đã ly thân nhiều năm nay, tuy ở một nhà nhưng mỗi người ở một phòng riêng. Nay bà S có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của ông bà và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, ông bà có 03 con chung đều đã trên 18 tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung nợ chung, địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 58, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử cho bà Phạm Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Văn H; về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 16/12/1996; Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 18/10/2005. Các con hiện nay đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: bà Phạm Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Phạm Thị S khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Văn H. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ dân phố số F P, phường C, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ông H, bà S đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hải Phòng) vào ngày 15/7/1996 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của bà S, ông H và những người làm chứng xác định: Trong quá trình chung sống, bà S và ông H phát sinh mâu thuẫn từ khoảng 02 năm trở lại đây và kéo dài đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có tiếng nói chung, thiếu sự trao đổi, giao tiếp trong thời gian dài, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách. Ông bà đã sống ly thân trong thời gian dài, mặc dù ở cùng nhà nhưng mỗi người sinh hoạt riêng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày không đồng ý ly hôn với bà S do vợ chồng đã nhiều tuổi, sắp lên ông, lên bà; tuy nhiên, nếu bà S vẫn kiên quyết ly hôn thì ông cũng tùy theo ý kiến của bà. Mặc dù không đồng ý ly hôn, nhưng ông H không đưa ra biện pháp tích cực nào nhằm giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, trong suốt quá trình phát sinh và kéo dài mâu thuẫn, các bên đều không có biện pháp khắc phục, không thể hiện thiện chí và nỗ lực trong việc hàn gắn tình cảm gia đình, cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của ông H và bà S kéo dài và đến nay đã trầm trọng, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà Phạm Thị S ly hôn ông Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông và bà S có 03 con chung là Nguyễn Trà M sinh ngày 16/12/1996, Nguyễn Minh T sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Minh T1

sinh ngày 18/10/2005. Hiện tại các con chung đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh bình thường nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Phạm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị S ly hôn ông Nguyễn Văn H.
2. Về quan hệ con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 16/12/1996; Nguyễn Minh T, sinh ngày 18/10/2005 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 18/10/2005. Các con hiện nay đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Bà Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0001728 ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Phạm Thị S đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bà S, ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường C, TP. Hải Phòng (ĐK Số: 58 ngày 15/7/1996);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh